

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 494/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 16 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi 3.600 con heo nái tại xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi 3.600 con heo nái tại xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 30/CV-ĐL ngày 25/02/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 95/TTr-STNMT ngày 07/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi 3.600 con heo nái (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và thực hiện các nội dung khác theo quy định hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND xã Đăng Hà, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-21-QĐPD-14/3).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 3.600 CON HEO NÁI TẠI XÃ ĐĂNG HÀ,
HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỨC LỘC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số ...4.94.../QĐ-UBND ngày 16.../.../2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi 3.600 con heo nái.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc.

Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3800742091 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 02/3/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/7/2020.

Trụ sở chính: Số 32, đường Lê Duẩn, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Kim Thoa, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Đăng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 14 ha với quy mô 3.600 con heo nái (khu đất thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất, thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 002044 ngày 15/8/2011 và số CT 26616 ngày 24/7/2020). Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Lộc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:* Bụi từ quá trình cưa xẻ cây, thu gom thực bì, lá, cành và rễ; khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ; bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công trên công trình; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hàn;

nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ hoạt động xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn; khí thải từ hầm biogas; mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu chăn nuôi, khu vực ép phân và chứa phân heo, khu vực hầm hủy xác heo; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình chăn nuôi; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng khoảng 0,5 – 01 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 03 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, dầu mỡ, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi:* Tổng lưu lượng khoảng 228,55 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng nitơ (theo N), E.Coli, salmonella, tổng coliform.

- *Nước thải từ quá trình sát trùng:* Tổng lưu lượng phát sinh khoảng 04 m³/ngày; tính chất của nước thải này là độ pH tương đối thấp, tính oxy hóa mạnh.

- *Nước thải sinh hoạt:* Tổng lưu lượng khoảng 05 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, lá, cành và rễ:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 1,17 g/m³.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Lượng bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền khoảng 18,7 kg/ngày.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: CO, NO_x, HC và bụi.

- *Bụi và khí thải từ phương tiện thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, SO₂, VOC.

- *Bụi và khí thải từ quá trình hàn xì kim loại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như khói hàn, CO, NO_x.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, SO₂, CO, VOC.

- *Bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn*: Lượng bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn khoảng 15,375 mg.

- *Khí thải từ hầm biogas*: Tổng lượng khí CH₄ sinh ra từ hầm biogas khoảng 125,7 m³/ngày. Thành phần chính của khí biogas là CH₄ (58% đến 60%) và CO₂ (>30%) còn lại là các chất khác như N₂, H₂S, CO...

- *Mùi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu chăn nuôi, khu vực chứa phân heo, khu vực hầm ủ xác heo*: Thường chứa chủ yếu các thành phần như H₂S, NH₃, mercaptan và các amin hữu cơ, andehyt hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 59,46 kg/ngày, chủ yếu là xi măng rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu thải, đá, cát...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 24 kg/ngày, thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh khoảng 11.638 kg/ngày; thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai*: Khối lượng xác heo con chết không do dịch bệnh phát sinh khoảng 60 kg/ngày; khối lượng xác heo nái đẻ chết không do dịch bệnh phát sinh khoảng 200 kg/06 tháng. Thành phần chủ yếu của xác heo chết không do dịch bệnh, nhau thai heo gồm các chất hữu cơ, các khí tạo thành trong quá trình phân hủy chất hữu cơ như: NH₃, H₂S, CO₂...

- *Bao bì cám heo dự trữ*: Khối lượng phát sinh của Dự án khoảng 6,12 kg/ngày.

- *Bùn thải*: Lượng bùn thải phát sinh từ hầm biogas khoảng 27,93 kg/ngày; Thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 40 kg/ngày; thành phần bao gồm rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 19 kg/tháng, bao gồm: Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ; dầu nhớt thải; bao bì cứng thải bằng kim loại; bóng đèn huỳnh quang thải; các loại chất thải xây dựng khác có thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 37 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ; dầu nhớt thải; chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại; chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại; bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải; hộp mực in thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Thu gom vào hố lắng tạm, kết cấu đất đào, thể tích 02 m³ (kích thước: D x R x S = 02 m x 01 m x 01 m) để lắng các chất rắn lơ lửng. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình tưới đường để giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Xây dựng trước 07 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 03 m³/bể để sử dụng chung cho cả giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn phải được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định. Chủ dự án xây dựng 07 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích là 03 m³/bể để xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi*: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m³/ngày đêm với quy trình công nghệ như sau: Nước thải chăn nuôi khu cách ly → Hàm biogas 2 → Hồ sinh học 2 → Hồ sinh học 1; Nước thải chăn nuôi còn lại → Hàm biogas 1 → Hồ sinh học 1 → Bể keo tụ, tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1, 2 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 3, 4 → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ, tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Lọc áp lực → Bể kiểm soát nước thải → Hồ chứa nước thải sau xử lý 1, 2, 3, 4. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học được dùng để tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây trong khu vực trại.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải như sau:

STT	Công trình	Số lượng	Kích thước (m)			Vật liệu
			Dài	Rộng	Sâu	
1	Hồ thu gom nước thải (CT)	01	Đường kính D = 06		05	Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Hàm biogas 1	01	70	35	06	Hồ đất taluy, lót và phủ bạt
3	Hàm biogas 2 (khu cách ly)	01	30	15	04	Hồ đất taluy, lót và phủ bạt
4	Hồ sinh học 1	01	70	30	05	Hồ đất taluy, lót bạt
5	Hồ sinh học 2 (khu cách ly)	01	30	15	04	Hồ đất taluy, lót bạt
6	Bể thiếu khí 1, 2	02	08	07	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
7	Bể hiếu khí 1, 2, 3, 4	04	08	07	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
8	Bể lắng sinh học	01	05	05	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
9	Bể keo tụ 1	01	02	1,6	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
10	Bể tạo bông 1	01	02	1,6	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
11	Bể keo tụ 2	01	2,4	1,8	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
12	Bể tạo bông 2	01	2,4	1,8	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
13	Bể lắng hóa lý 1,2	02	05	3,4	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
14	Bể khử trùng	01	02	02	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
15	Bể kiểm soát nước thải	01	1,2	02	05	Bê tông cốt thép, chống thấm
16	Hồ chứa nước thải sau xử lý 1	01	42	30	04	Hồ đất taluy, lót bạt
17	Hồ chứa nước thải sau xử lý 2, 3, 4	03	70	30	05	Hồ đất taluy, lót bạt

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây trong khuôn viên trang trại.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ quá trình cưa xẻ; thu gom thực bì, cành và rễ:* Lượng sinh khối phát sinh được vận chuyển đến nơi thu mua; xe chuyên chở gỗ và sinh khối phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển, phân luồng và tưới nước giao thông nội bộ trong khu vực Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá; các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên vật liệu; trang bị khẩu trang, bao tay và nút bịt tai cho công nhân; các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ:* Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; các phương tiện đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, đảm bảo thời hạn cho phép lưu thông theo đúng quy định của pháp luật; lập lịch trình hoạt động hợp lý cho các loại xe tải để tránh gia tăng mật độ xe vào các thời gian cao điểm và giờ nghỉ của người dân; kiểm soát tốc độ của các loại xe chuyên chở khi đi qua khu dân cư; ưu tiên tuyển chọn công nhân từ nguồn nhân lực tại địa phương để giảm lượng công nhân tập trung tại lán trại; sân bãi tập kết vật liệu xây dựng, các tuyến đường đất, các tuyến đường nội bộ... được tưới nước thường xuyên để giảm bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ hoạt động san nền và đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều); trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ các phương tiện vận chuyển:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ thiết bị thi công trên công trường:* Lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín; thường xuyên kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn xì kim loại:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên kiểm tra quá trình hàn xì để kịp thời xử lý sự cố nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại để giao nhận hàng, đồng thời tưới nước thường xuyên các đường giao thông nội bộ này (nhất là vào mùa nắng); không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chở quá tải; không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng, kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất; điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại kho chứa cùng thời điểm, vệ sinh sân bãi và đường nội bộ hằng ngày.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Lắp đặt ống khói cao vượt mái 02 m, đường kính ống khói 25 cm; bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy phát điện có bộ phận thanh lọc khí thải kèm theo máy, bố trí đặt máy phát điện trong phòng cách âm.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi sinh ra trong quá trình nhập nguyên liệu thức ăn:* Xây dựng đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh; phân bố lượng xe chuyên chở phù hợp; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh...

- *Biện pháp xử lý khí gas từ hầm biogas:* Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng để làm nhiên liệu trong quá trình nấu ăn của trang trại; trường hợp sau khi sử dụng khí gas còn thừa, Chủ Dự án đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực chứa phân; khí từ hầm biogas và hầm hủy xác:*

Khu vực chuồng nuôi: Bố trí chiều cao chuồng trại hợp lý; tăng cường trồng cây xanh xung quanh khu vực nuôi để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí; thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 01 lần/02 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 01 lần/tuần khi không có dịch và ít nhất 01 lần/ngày khi có dịch bệnh; không chế ô



nhiễm mùi bằng biện pháp phun chế phẩm EM với tần suất 02 lần/ngày và trang bị quạt hút hoạt động liên tục.

Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín, thường xuyên khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng; phun chế phẩm EM với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực chứa phân: Phun chế phẩm sinh học với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực máy ép phân: Phân heo sau ép được đóng bao ngay, phun chế phẩm sinh học EM với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực hồ hủy xác: Bố trí xây dựng hầm hủy xác nằm ở khu vực biệt lập, xa khu vực chuồng trại; trồng cây xanh; rải vôi bên trong và trên bề mặt hầm hủy xác hoặc phun chlorine 02%...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong 02 thùng chứa 120 lít bằng nhựa HDPE và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Phân heo*: Phân heo được thu gom và đưa vào máy ép phân (được đặt tại nhà để máy ép phân với tổng diện tích khoảng 105 m²); nước thải từ máy ép phân được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý. Lượng phân sau ép được khử trùng bằng vôi bột với tần suất 01 lần/ngày và phun chế phẩm vi sinh EM với tần suất 02 lần/ngày để khử mùi, sau đó đóng bao và lưu trữ trong 02 nhà chứa phân có diện tích khoảng 105 m² và 140 m², kết cấu: nền xi măng, khung kèo tổ hợp, mái lợp tôn, tường bao che xây gạch, sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai*: Được thu gom, xử lý bằng hầm hủy xác. Hầm hủy xác có kích thước: D x R x S = 12 m x 06 m x 04 m; kết cấu: bê tông, chống thấm, cửa đóng kín. Bề mặt hồ hủy xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- *Xác heo chết do dịch bệnh*: Khi chủ trang trại nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

- *Bùn thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn có kích thước: D x R x S = 07 m x 02 m x 2,5 m; kết cấu: bê tông cốt thép có quét vật liệu chống thấm. Chủ Dự án phải lấy mẫu bùn thải để phân tích. Trường hợp mẫu bùn có chỉ tiêu vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải phát sinh từ Dự án theo đúng quy định về chất thải nguy hại; trường hợp không vượt Quy chuẩn, Chủ Dự án ép bùn, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa thích hợp. Các thùng chứa 120 lít được bố trí tại nhà ăn (01 cái), nhà ở của công nhân (01 cái), nhà bảo vệ (01 cái), nhà quản lý (01 cái), nhà cách ly (01 cái). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn thông thường*: Được thu gom và lưu chứa tại các thùng chứa, đặt trong nhà chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 20 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn; cửa ra vào khung sắt; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân heo phải được xử lý theo đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 09 m², kết cấu: nền xi măng chống thấm, tường bằng tôn có mái che, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao và hố thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ 06 tháng/lần hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 200 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích 15 m²; kết cấu: nền bê tông, tường gạch, mái lợp tôn. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung của thiết bị, máy móc, phương tiện thi công:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn, rung hoặc gắn các thiết bị giảm thanh để mức ồn đạt tiêu chuẩn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn*: Chuồng trại được che chắn nhằm giảm thiểu việc phát tán tiếng ồn của heo; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải*: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; khi phát hiện sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải báo ngay cho đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hầm hủy xác*: Trên bề mặt rải vôi bột, chlorine để diệt mầm bệnh phát tán trong quá trình thao tác; trong vòng 03 - 04 tuần đầu sau khi chôn, thường xuyên kiểm tra tình hình hố hủy, kịp thời phát hiện sự cố để có biện pháp xử lý; xây dựng hố hủy xác đúng thiết kế và yêu cầu vệ sinh đi kèm.

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất*: Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo quy định hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng Dự án:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công xây dựng:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, bụi, NO_x, SO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt quá trình thi công.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng nitơ, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần
- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.2.2. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực cây xanh sử dụng nước thải sau xử lý để tưới.

- *Thông số giám sát:* As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

5.2.3. Giám sát môi trường nước ngầm:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại giếng khoan của Dự án.

- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, Fe tổng, nitrit, nitrat, Cl⁻, amoni, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện kèm theo:

6.1. Chủ Dự án phải thực hiện thiết kế công phụ và mở lối đi riêng vào khu vực hệ thống xử lý nước thải; bố trí hệ thống khử trùng tại lối đi riêng này để đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền khi đến kiểm tra; phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

6.2. Chủ Dự án phải bố trí trồng cây xanh và lắp đặt các tấm màn che chắn phía sau hệ thống quạt hút thông gió của chuồng nuôi để hạn chế và giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh; đối với khu vực hầm hủy xác phải bố trí màn trùm cửa hầm hủy để hạn chế ruồi nhặng và mùi trong hầm hủy phát tán ra



môi trường, đồng thời phải có biện pháp phòng ngừa sự cố và có biện pháp xử lý khi hàm hủy đây.

6.3. Trong quá trình đi vào hoạt động, yêu cầu Chủ Dự án phải đảm bảo các biện pháp kiểm soát nước thải, mùi hôi và các tác động khác phát sinh từ Dự án đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực xung quanh. Nếu đề xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì sẽ bị xử lý theo các nội dung đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

7.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

7.2. Chủ Dự án phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

7.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7.4. Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định hiện hành.

7.5. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

7.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

7.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 103 ngày 27/12/2021 của UBND xã Đăng Hà về việc ý kiến tham vấn của Dự án chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 3.600 con heo nái và quy mô 20.000 con heo thịt; Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 27/12/2021 tại Nhà văn hóa thôn 2. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyên dụng lao động tại địa phương.

7.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

7.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, cấp phép trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

